

BRIEF OVERVIEW OF CHINESE LANGUAGE EDUCATION POLICY IN VIETNAM IN 1874-1906

Nguyen Thi Kim Phuong

Postgraduate at Xiamen University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	08/4/2022	The priority of French colonial government after obtained control over Vietnam was to destroy Confucianism and replace it with an education to serve their purposes. However, Chinese characters in the period of the 19th and early 20th centuries have not been forgotten. Nevertheless, Vietnamese researchers only focused on analyzing the educational policies of the French colonialists towards the French language, modern Vietnamese language and did not analyze the policies related to Chinese characters in depth. Therefore, the purpose of this study is to show the difference in the policy of education for Chinese characters in the North, Middle and South of Vietnam, which were implemented by the French colonial government before 1906. This article applied the method of data collection and processing of effected decisions and resolutions at that moment and came to the conclusion. First, the priority policy of France colonial was still "removal of Chinese", but in the South of Vietnam, the colonial government did not understand that "haste makes waste", leading to the failure before 1906. Second, after the failure, the French colonial learned from their mistake, from that generated appropriate policies of "removing" Confucianism and gradually introduced French and modern Vietnamese language into our people's lives. This study not only gives readers an overview of the French colonialist's policy towards Vietnamese Confucian education at that time, but also a premise for future studies.
Revised:	30/5/2022	
Published:	30/5/2022	
KEYWORDS		
Education policy in the North of Vietnam		
Education policy in the South of Vietnam		
Chinese language education policy		
Confucian education policy		
The conquest of Vietnam by France		

SƠ LƯỢC CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC TIẾNG HÁN TẠI VIỆT NAM NĂM 1874-1906

Nguyễn Thị Kim Phương

Nghiên cứu sinh tiến sĩ Đại học Hạ Môn

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	08/4/2022	Nhu cầu hàng đầu của chính quyền Pháp sau khi chiếm được Việt Nam chính là huỷ diệt nền Nho học và thay vào đó là một nền giáo dục phục vụ cho bộ máy cai trị. Tuy vậy, chữ Hán vào giai đoạn thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX vẫn không bị lãng quên. Nhưng các nhà nghiên cứu Việt Nam chỉ tập trung phân tích chính sách giáo dục của thực dân Pháp đối với Pháp ngữ và chữ Quốc ngữ. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là chỉ rõ sự khác nhau trong chính sách giáo dục khoa cử chữ Hán tại Nam Kỳ và Bắc-Trung Kỳ của chính quyền thực dân Pháp trước năm 1906. Bài báo thông qua phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu như nghị định, quyết định, đã cho ra kết luận. Thứ nhất, chính sách hàng đầu của Pháp vẫn là “giải Hán hoá”, nhưng tại Nam Kỳ, chính quyền Pháp không hiểu được rằng “đục tốc bất đạt” vậy nên trước năm 1906 đã nhận được thất bại thảm hại. Thứ hai, sau thất bại đó thực dân Pháp đã biết rút kinh nghiệm trong việc “triệt tiêu” Nho giáo ở Bắc và Trung Kỳ, đó là từng bước đưa tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ vào đời sống của dân ta. Nghiên cứu này không chỉ mang đến cho độc giả một cái nhìn toàn cảnh, khách quan về chính sách của thực dân Pháp đối với nền giáo dục chữ Nho Việt Nam lúc bấy giờ, mà còn là tiền đề cho những nghiên cứu sau này.
Ngày hoàn thiện:	30/5/2022	
Ngày đăng:	30/5/2022	
TỪ KHÓA		
Chính sách giáo dục của Bắc kỳ		
Chính sách giáo dục của Nam kỳ		
Chính sách giáo dục tiếng Hán		
Chính sách giáo dục nho học		
Thời kỳ Pháp thuộc		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5837>

Email: jinfengvn96@gmail.com

1. Giới thiệu

Giới học thuật Trung Quốc đối với những nghiên cứu về chính sách giáo dục tiếng Hán tại Việt Nam trong thời kỳ này gần như là con số không, còn với học giả Việt Nam đề tài về giáo dục thời Pháp thuộc không còn xa lạ. Tuy rằng đã có nhiều bài nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục thuộc địa tại Việt Nam, song trong thời gian đầu của lĩnh vực nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu thường thiên về tường thuật lịch sử như nghiên cứu của Nguyễn Anh [1], hay nghiên cứu năm 1968 mà ông từng phát biểu [2]. Trong những bài báo của ông đều cung cấp những số liệu rất cụ thể về số lượng trường học, số lượng học sinh. Nhưng những lập luận và lý lẽ của ông lại mang cái nhìn chưa khách quan. Những năm gần đây cũng có rất nhiều tác giả nghiên cứu chủ đề này nhưng theo nhiều phương diện và với những góc độ khác nhau, ví dụ như nghiên cứu của Milkie Vu [3] chủ yếu là dùng chính sách giáo dục để làm rõ hệ tư tưởng của thực dân Pháp ảnh hưởng tới xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Hay nghiên cứu của Lý Tường Vân năm 2020 [4], trong bài viết có xét về các điểm kết nối trên khía cạnh chính trị giữa cải cách giáo dục ở Pháp với công cuộc thực thi chính sách giáo dục ở Việt Nam trong giai đoạn đầu nền Cộng hòa thứ ba (1870 – 1914). Hoặc có thể đứng trên góc độ Phật học để nhìn chính sách này như bài báo của Thích Nữ Hiền Nguyễn năm 2021 [5], nội dung bài viết cũng chỉ điểm qua giáo dục Việt Nam trước thời điểm cuộc cải lương khoa cử đầu tiên năm 1906.

Trong những nghiên cứu trên, dù ít hay nhiều thì chính sách giáo dục Nho học cũng đều được đề cập tới, song cũng chỉ dừng ở những giới thiệu sơ sài, ngay cả trong bài báo của Vũ Duy Mền [6], một đoạn thời gian quan trọng trong lịch sử như vậy cũng chỉ được ông khái quát bằng vài dòng như “Nhà Nguyễn tiến hành kỳ thi Hội cuối cùng năm Kỷ Mùi niên hiệu Khải Định thứ tư (1919) tại kinh đô Huế. Sau sự kiện này nền giáo dục Nho học quan phương đã chấm dứt. Thay thế vào đó là nền giáo dục phụ thuộc thực dân Pháp – nền giáo dục Pháp ngữ và Quốc ngữ”.

Song, thời gian gần đây, vấn đề chính sách dạy học chữ Hán thời kỳ thuộc địa cũng đã giành được nhiều sự quan tâm đến từ những nhà nghiên cứu Hán Nôm như Lê Văn Cường, nhưng những nghiên cứu của ông mới chỉ tập trung vào giáo trình [7], [8]. Do đó, nghiên cứu này mang đến cho độc giả một cái nhìn toàn cảnh, khách quan về chính sách giáo dục tiếng Hán tại Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Cụ thể là sự khác nhau trong chính sách giáo dục khoa cử chữ Hán tại Nam Kỳ và Bắc-Trung Kỳ của chính quyền thực dân Pháp trước năm 1906.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo này là sự giao thoa giữa nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu giáo dục. Vì vậy, tác giả sử dụng phương pháp lịch sử, đặt quá trình thực hiện chính sách giáo dục chữ Hán với Bắc-Trung Kỳ và Nam Kỳ trong bối cảnh những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đang đô hộ nước ta. Thông qua tiếp cận và xử lý nhiều nguồn tài liệu khác nhau, trong đó chủ yếu là dựa vào phân tích tư liệu những nghị định và quyết định về giáo dục mà chính quyền Pháp đưa ra trong thời gian xâm lược Việt Nam đã được Trung tâm lưu trữ Quốc gia công bố. Sau đó, tiến hành sử dụng phương pháp logic để có cái nhìn xác thực, khách quan, đồng thời đi sâu phân tích quá trình này. Từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá khách quan về chiến lược giáo dục Nho học tại Việt Nam trong giai đoạn này. Để có một cái nhìn toàn cảnh về vấn đề này, đầu tiên cần phải nắm rõ tình hình bối cảnh lịch sử Việt Nam trong giai đoạn này.

3. Nội dung

3.1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1858 thực dân Pháp bắt đầu xâm lược và từng bước thiết lập bộ máy thống trị biển nước ta thành thuộc địa nửa phong kiến. Về chính trị, thực dân Pháp sử dụng chính sách cai trị thực dân, tước bỏ đi quyền lực của nhà Nguyễn, chia Việt Nam thành ba xứ với ba cơ cấu hành chính riêng biệt: hai xứ bảo hộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ cùng với xứ thuộc địa Nam Kỳ. Về kinh tế, chính quyền thực dân tiến hành chính sách bóc lột, chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân để lập đồn điền,

xây dựng một loạt cơ sở công nghiệp, hệ thống giao thông bến cảng để phục vụ khai thác tài nguyên tại thuộc địa. Về văn hoá giáo dục, chúng áp đặt triệt để chính sách văn hoá nô dịch, khuyến khích hoạt động mê tín dị đoan, tiến hành chính sách chia rẽ các dân tộc. Chính quyền Pháp áp đặt chế độ cai trị hà khắc và tàn bạo nhằm biến Việt Nam thành một phiên bản của Pháp tại Đông Dương, biến dân ta thành người Pháp da màu Á châu. Chính vì lẽ đó mà thực dân Pháp phải đối mặt với những cuộc khởi nghĩa dưới nhiều hình thức như vũ trang và chính trị, ví dụ như phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ (1902-1908), Đông Kinh Nghĩa Thục ở Bắc Kỳ (1907). Vì vậy, những năm đầu thế kỷ XX chính quyền thực dân Pháp đã phải thay đổi chính sách giáo dục nói chung và giáo dục Nho học nói riêng.

Thông qua thu thập và xử lý những tài liệu lịch sử liên quan trong khoảng thời gian từ năm 1858 đến năm 1945, dễ dàng nhận thấy trong khoảng thời gian từ năm 1906 đến năm 1919 chính quyền Pháp tiến hành hai cuộc cải lương giáo dục khoa cử tại Việt Nam. Khoảng thời gian này được coi là thời kỳ quá độ của giáo dục Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Cái gọi là chính sách cải lương giáo dục là chỉ kế hoạch cải thiện giáo dục bản địa, là chính sách do Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ (conseil de Perfectionnement de l'enseignement indigène) đề ra. Ngoài ra, trong khoảng thời gian 1858 – 1906, do thời gian đô hộ của chính quyền Pháp đối với ba miền Bắc, Trung, Nam là khác nhau nên chính sách giáo dục chữ Hán ở các vùng này cũng có tồn tại nhiều điểm khác biệt. Vì vậy, bài báo được chia làm hai phần chính: phần một, chính sách giáo dục tiếng Hán của Pháp tại Nam Kỳ trước năm 1906; phần hai, chính sách giáo dục tiếng Hán của Pháp tại Bắc và Trung Kỳ trước năm 1906.

3.2. Chính sách giáo dục tiếng Hán của Pháp tại Nam Kỳ trước năm 1906

Chính quyền Pháp và mong muốn biến Nam Kỳ thành một bản sao của chính quốc là đề tài mà không ít nhà nghiên cứu đã mang ra khai thác, mọi người đều chỉ ra được tầm quan trọng của nền giáo dục với một đất nước thực dân trong quá trình xâm lược và khai thác thuộc địa. Đối với Pháp mà nói, vị thế của Việt Nam trong Đông Dương chiếm vai trò cực kỳ quan trọng, vậy nên Pháp mới muốn biến Việt Nam thành một bản sao của nước Pháp trong lòng châu Á. Do đó, chính quyền thực dân đã nóng lòng mang nền giáo dục tại chính quốc để áp dụng vào An-Nam. Giai đoạn trước năm 1906 có thể coi là giai đoạn mang tính thử nghiệm và tính chất địa phương chỉ áp dụng tại Nam Kỳ, nơi Pháp coi là “thuộc địa” của mình.

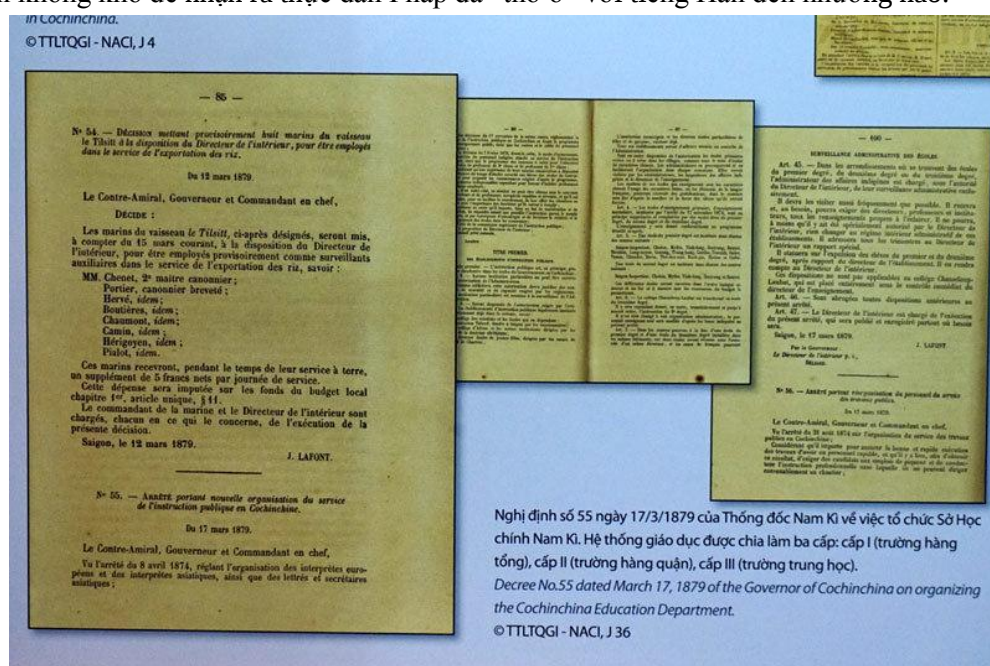
3.2.1. Sự “thờ ơ” của thực dân Pháp đối với hệ thống giáo dục Nho học

Sau khi chiếm được Nam Kỳ (năm 1862 chiếm được Gia Định, Biên Hoà và Định Tường; năm 1867 chiếm được An Giang, Vĩnh Long và Hà Tiên), hoà ước năm 1874 là mốc đánh dấu Nam Kỳ chính thức trở thành thuộc địa (colonie) của Pháp. Chính quyền thực dân nhanh chóng xoá bỏ hệ thống giáo dục cũ, trường học mới dựng lên khắp nơi đã đánh dấu một xã hội phong kiến nửa thuộc địa. Điều này thể hiện sự tự tin của Pháp về “trường học khai sáng” của mình, đồng thời cũng chứng tỏ sự thờ ơ đối với nền giáo dục chữ Hán đã có lịch sử lâu đời tại Việt Nam thông qua 17 nghị định liên quan đến chính sách giáo dục được chính quyền Pháp ban hành trong khoảng thời gian này. Trong đó, từ năm 1862 đến năm 1873, tiếng Hán không được nhắc đến trong một nghị định nào.

Trong khoảng thời gian này tiếng Hán tuy vẫn được sử dụng nhiều trong đời sống, nhưng nó không còn chiếm vị trí độc tôn như xưa nữa. Điều này thể hiện qua Nghị định số 202 ngày 29/08/1873 của Thống đốc, quyền Tổng Tư lệnh về việc tổ chức Trường Tập sự và quy định chương trình thi tuyển: “Điều 3. Chương trình giảng dạy của trường gồm giáo trình chữ Quốc ngữ, chữ Hán, chính quyền An-nam,...; Điều 6. Kỳ thi cuối năm gồm thi viết và vấn đáp... Môn thi vấn đáp gồm: dịch một bản kiến nghị từ chữ Quốc ngữ sang tiếng Pháp; dịch một trang sách trong một tác phẩm bằng tiếng La tinh sang chữ Quốc ngữ; trả lời bằng tiếng Pháp các câu hỏi về ngôn ngữ cũng như nội dung đề cập trong giáo trình dạy tiếng Cao Miên; đọc và phân tích một cuốn sổ thuế viết bằng chữ Hán...” [9]. Đây là những điều được nêu trong phần Trường Tập sự.

Đối với chương trình thi dành cho cán sự hạng 3, thí sinh cũng chỉ cần đọc hiểu tiếng Hán và dịch xuôi là đủ. Dễ thấy giáo dục chữ Hán không còn giống như xưa nghiêng về lý luận giải thích Tứ Thư Ngũ Kinh hay phân tích Luận Ngữ của Khổng Tử nữa, mà thiên về phục vụ việc thông ngôn, là công cụ để dịch giấy tờ, hợp đồng.

Năm 1874, sau khi biến Nam Kỳ thành xứ thuộc địa của mình, chính quyền Pháp đã đưa ra nhiều nghị định liên quan đến giáo dục tại Nam Kỳ, và những điều nhắc đến giáo dục Nho học trong những nghị định đó rất ít hoặc nếu có cũng rất mơ hồ, ví dụ như quyết định ngày 17/11/1874 của Chuẩn đô đốc, quyền Thống đốc Nam Kỳ về việc đặt quy chế cho ngành học chính tại Nam Kỳ: “Điều 4 ... miễn quy định về giấy phép đối với các trường tiểu học tư thực dạy chữ Hán tại các làng...” [9]. Ngoài ra, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học tại trường công ở Nam Kỳ tuy có nhắc đến có dạy chữ Hán và các trường tại Nam Kỳ cũng vẫn tuyển giáo viên chữ Hán nhưng lại không nêu lên nội dung học chữ Hán gồm những phần nào. Điều này đem so với “Lý luận tiếng Pháp, khái niệm cơ sở về văn học Pháp, tập làm văn bằng tiếng Pháp” [9], thì không khó để nhận ra thực dân Pháp đã “thờ ơ” với tiếng Hán đến nhường nào.



Hình 1. Nghị định số 55 ngày 17/3/1879 của Thống đốc Nam Kỳ về việc tổ chức Sở học chính Nam Kỳ. Hệ thống giáo dục được chia làm ba cấp rõ ràng, và nội dung Hán học chỉ là “Tứ thư”

Cho đến Nghị định số 55 (hình 1) ngày 17/3/1879 của Thống đốc Nam Kỳ về việc tổ chức Sở học chính Nam Kỳ, phần năm trong nghị định đã nói rõ chương trình giảng dạy tại Sở học chính Nam Kỳ ở trường cấp 1, cấp 2 và cấp 3 thì nhận định của tác giả một lần nữa được khẳng định rõ ràng. Trong cả ba cấp học lớp chữ Hán đều học một nội dung là “Tứ thư”. Ở trường cấp 1, các lớp học gồm 3 lớp tiếng Pháp, 2 lớp chữ Hán và chữ Quốc ngữ; trường cấp 2 giảm đi chỉ còn 2 lớp dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ hàng tuần; đến trường cấp 3 giảm chỉ còn mỗi tuần một lớp dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ. Vậy nên, chính quyền Pháp đang “thờ ơ” với Nho giáo hay là đang “giải Hán hoá” đây? Dù là về nào đi chăng nữa thì chính sách giáo dục chữ Hán của chính quyền Pháp trước năm 1906 đều không đạt được mục đích của họ.

3.2.2. Sự thất bại của chính sách “giải Hán hoá” ở Nam Kỳ

Nhu cầu cấp bách đầu tiên sau khi chiếm được Nam Kỳ của thực dân Pháp đó là khai tử nền giáo dục Nho học đã tồn tại lâu hàng trăm năm ở Việt Nam, và năm 1864 ngay sau khi chiếm

được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thì cũng là năm mà nơi đây tổ chức kỳ thi Hương cuối cùng (tổ chức tại ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ trước khi mà Pháp đánh chiếm năm 1867). Cũng trong năm này các Đô đốc cũng cho đóng cửa các trường học truyền thống, thay vào đó là mở các trường thông ngôn như Trường Collège d'Adran và các trường tiểu học thế tục. Ngoài ra, từ năm 1878 văn kiện công văn trước nay được sử dụng bằng chữ Hán cũng được thay thế chủ yếu bằng chữ Pháp, còn chữ quốc ngữ là phụ.

Không khó để nhận ra khát vọng “Pháp hoá” trường học, đồng hoá con người của chính quyền Pháp mạnh mẽ thế nào, khi nóng lòng xoá bỏ nền giáo dục Nho giáo truyền thống đã ăn vào máu thịt của từng người dân Việt Nam ta qua nhiều thế kỷ. Họ quá vội vàng và quyết liệt trong những chính sách liên quan đến giáo dục chữ Hán khi mà mới chỉ chiếm được một nửa Nam Kỳ mà đã muốn chấm dứt đi chế độ khoa cử truyền thống của Việt Nam, đồng thời cho xây dựng một loạt trường học. Theo thống kê, năm 1886 số trường hàng tổng và hàng xã chỉ đạt 300 trường với số lượng học sinh các cấp là 18.231 em, dù cho dân số lúc bấy giờ của Nam Kỳ là khoảng 2 triệu dân. Có lẽ cũng do sự thất bại của chính sách giáo dục tại Nam Kỳ nên ở Bắc – Trung Kỳ chính quyền Pháp đã kéo dài quá trình này bằng một thời kỳ quá độ, bằng chứng là đến năm 1919 kỳ thi Hội cuối cùng được tổ chức ở kinh đô Huế.

3.3. Chính sách giáo dục tiếng Hán của Pháp tại Bắc và Trung Kỳ trước năm 1906

Sau hoà ước năm 1883 và 1884, Bắc Kỳ và Trung Kỳ lần lượt trở thành xứ bảo hộ (protectorat) của Pháp, không giống như Nam Kỳ, tuy đã chính thức đặt dưới sự thống trị của chính quyền thực dân từ năm 1883 nhưng vì theo quy chế “bảo hộ” nên mãi đến năm 1915 với kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ cùng với kỳ thi Hội cuối cùng năm 1919 tại Trung Kỳ mới đặt dấu chấm hết cho nền giáo dục khoa cử chữ Hán ở Việt Nam. Và mãi đến năm 1932 chữ Nho mới không được sử dụng trong những văn bản, giấy tờ pháp lý của nhà nước nữa, thay vào đó là chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Có thể thấy rằng, thất bại trong việc “giải Hán hoá” như một gáo nước lạnh dội vào chính quyền Pháp đang hùng hực khí thế với mong muốn “khai sáng văn minh” cho các dân tộc thuộc địa “man rợ”, vì vậy họ cũng đã rút được kinh nghiệm và điều chỉnh khôn ngoan hơn khi cải cách giáo dục tại Bắc và Trung Kỳ.

3.3.1. Paul Bert và việc duy trì giảng dạy chữ Hán tại các trường tiểu học

Paul Bert (hình 2) – một nhà động vật học, sinh lý học, chính trị gia và đồng thời cũng là một nhà giáo dục nổi tiếng của Pháp. Sau khi đặt chân đến thủ đô Hà Nội, ông tuyên bố: “Người Pháp đến đây để nâng cao đời sống nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế và còn nâng cao đời sống tinh thần bằng giáo dục”.



Hình 2. Chân dung Paul Bert (1833-1886), người đã đi ngược lại chính sách “giải Hán hoá” của chính quyền thực dân Pháp

Quyết định ngày 12/03/1885 về tổ chức chương trình bậc tiểu học với chương trình giảng dạy bằng tiếng Pháp tại các trường tiểu học thuộc chính quyền bảo hộ. Mặc dù vẫn nhằm mục đích đào tạo ra một đội ngũ người bản xứ làm việc cho chính quyền Pháp như các văn bản được ban hành tại Nam Kỳ. Song, quyết định này của Paul Bert vì không ủng hộ việc bắt buộc người Việt bỏ hẳn chữ Hán để học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp như các đô đốc đã thực hiện tại xứ thuộc địa Nam Kỳ, nên Paul Bert vẫn cho học sinh học chữ Hán, điều này thể hiện trong quy định về chương trình giảng dạy ở các trường tiểu học: “Việc giảng dạy ngôn ngữ bản xứ là chữ Quốc ngữ và chữ Hán được thực hiện bên cạnh các buổi học tiếng Pháp” [9].

Điều này cho thấy Paul Bert đã nhận ra được tầm quan trọng của chữ Hán trong xã hội Việt Nam, dù nó không chiếm vị trí tuyệt đối như xưa, nhưng chính quyền thực dân cũng không thể xóa bỏ nó trong một khoảng thời gian ngắn được. Đồng thời quyết định năm 1885 này cũng chứng tỏ rằng ông đã dày công chuẩn bị cho một nền móng giáo dục vững chắc cho sự nghiệp của mình như thế nào. Nhưng sự ra đi đột ngột của Paul Bert đã để lại một khoảng trống to lớn trong sự nghiệp giáo dục tại Bắc Kỳ, vì không ai tiếp tục sự nghiệp của Paul Bert, một mặt vì tìm người đủ năng lực để tiếp tục con đường ông đi quá khó, mặt khác là vì chính quyền thực dân còn đang mải mê trong cuộc “bình định” ở Bắc Kỳ.

3.3.2. Sự suy tàn của giáo dục tiếng Hán

Nghị định ngày 18/11/1896 của toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Trường Quốc học Huế: “Điều 1 ... Tiếng Pháp là ngôn ngữ chính dùng để giảng dạy trong nhà trường. Chữ Hán được sử dụng song song với tiếng Pháp” [9]. Ngoài ra Dụ ngày 17 tháng 9 năm Thành Thái thứ 8 bằng tiếng Pháp về việc thành lập Trường Quốc học Huế. Nguyễn Thân, Nguyễn Thuật, Trương Như Cương, Phạm Phú Lâm và Hồ Đệ phụng chỉ ban Dụ: “Muốn nền giáo dục phát triển, chúng ta không nên chỉ giới hạn việc dạy học mà phải đảm bảo tính cân đối, do vậy việc mở các lớp học là điều cần thiết. Ngoài những cuốn sách kinh điển của Trung Hoa, còn có khá nhiều tác phẩm của các nước khác. Phát triển giáo dục là phương tiện duy nhất giúp nắm bắt kiến thức để giải quyết những vấn đề của triều đình và chính quyền, tính cân đối của việc dạy lý thuyết sẽ góp phần giáo dục tư tưởng và đào tạo bậc hiền tài. Tại xứ An-Nam, Giáo dục dựa trên những cuốn sách cổ điển của khổng tử dùng để giảng dạy tại trường Quốc tử giám cũng như hệ thống trường chính quy đặt tại thủ phủ các tỉnh, phủ, huyện, chúng ta nhận thấy cho đến nay việc nghiên cứu các vấn đề của người phương tây bị phủ nhận nên việc lấp lỗ hổng này là rất quan trọng.” [9].

Không chỉ chính quyền thực dân muốn nhanh chóng “giải Hán hoá” nền giáo dục tại thuộc địa, mà những quyết định của triều đình An-Nam cũng cho ta thấy sự suy tàn của chữ Hán trong nền giáo dục thế kỷ mới. Tiếp theo nghị định năm 1896, Nghị định ngày 01/06/1897 của Thống đốc Nam Kỳ về việc tái tổ chức Trường Sư Phạm Gia Định, thay đổi nội dung chương trình học, xóa bỏ chữ Hán ra khỏi chương trình học, thay thế bằng “tiếng Pháp; số học và hệ mét; địa lý; vật lý; hoá học...” [9]. Ngoài ra, Nghị định số 681 ngày 06/06/1898 của Toàn quyền Đông Dương đặt thêm một kỳ thi phụ cho khoa thi Hương, trường thi Hương Nam Định, hai môn được thêm vào là môn tiếng Pháp (vấn đáp và viết) và môn chữ Quốc ngữ. Lúc này địa vị của chữ Hán trong giáo dục rõ ràng đã không còn có thể đem ra so sánh với hai ngôn ngữ còn lại. Trong những năm tiếp theo cũng không hề thấy nghị định nào đề cập đến chữ Hán nữa, mà thay vào đó là giáo dục công nghiệp, cơ khí và y học. Nếu có liên quan đến Nho giáo thì cũng chỉ là những bài tập đọc, dịch phiên âm hoặc dịch nghĩa sang chữ Quốc ngữ như bảng thời gian biểu của Trường Hậu Bô (hình 3).

Theo Osborne (1969) “chỉ chưa đầy một thế hệ kể từ lúc kết thúc thập niên 1870, sự thay thế chữ Nho bằng chữ Quốc ngữ đã đạt được” [10]. Do nhận thức được sự tiện dụng và lợi ích to lớn của chữ Quốc ngữ, nhiều người Việt đã thúc đẩy nhau học chữ Quốc ngữ, sử dụng chữ Quốc ngữ để làm phương tiện trao đổi, sáng tác văn chương. Và việc sử dụng chữ Quốc ngữ cho mục tiêu chính trị đã bắt đầu nhen nhóm ở nhiều tờ báo bằng chữ Quốc ngữ như Gia Định báo (thành lập năm 1865) (hình 4), Nam Kỳ (1897), hay Nông Cổ mín đàm (1901), Lục tỉnh Tân văn (1908) v.v

Hình 3. Bảng thời gian biểu của Trường Hậu Bô năm 1905 kỳ 1 và kỳ 2 năm thứ nhất

Hình 4. Trang bìa số đầu phát hành ngày 15 tháng 1 năm 1866 của tờ Gia Định báo

Đầu thế kỷ XX, để hạn chế ảnh hưởng mới từ Trung Quốc và Nhật Bản, thực dân Pháp tiến hành cuộc cải cách giáo dục ở Trung và Bắc kỳ nhằm thẳng vào tầng lớp thanh niên cầu tiến bộ. Chương trình đào tạo dưới đại học được chia làm ba bậc gồm: *Bậc Ấu học* (dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ, tốt nghiệp cấp bằng Tuyển sinh); *Bậc Tiểu học* (dạy chữ Hán, chữ Quốc ngữ và thêm Pháp văn, tốt nghiệp cấp bằng Khoá sinh); *Bậc Trung học* (dạy cả 3 thứ chữ là Hán, Pháp và Quốc ngữ. Người đủ tiêu chuẩn thi Pháp tuyển chọn đi thi Hương). Trong tình hình giáo dục chung ở Trung kỳ và Bắc kỳ đầu thế kỷ XX, tại Huế lúc bấy giờ có hai trường Pháp - Việt là trường Pháp - Việt Đông Ba và trường Quốc Học, một trường dạy Nho học là trường Quốc Tử Giám. Số người học ở trường Pháp - Việt Đông Ba và trường Quốc Học rất ít ỏi, vì điều kiện để được nhập học rất khó khăn.

Từ hai vị thế khác nhau của người Việt Nam và người Pháp, mỗi bên đương nhiên có mục đích và cách thức khác nhau trong việc làm mới tiếng nói và chữ viết của Việt Nam. Tuy vậy, chữ Hán và chữ Nôm vào giai đoạn thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX vẫn không bị quên bỏ. Dù chính quyền Pháp và nhà nước cai trị xứ An Nam thời bấy giờ luôn tìm cách để “xoá sổ” giáo dục chữ Hán dù là trong chính sách ở Nam kỳ hay Trung – Bắc Kỳ thì chữ Hán vẫn như “Phượng Hoàng phục sinh từ đám tro tàn”, nó vẫn có cách của riêng mình để quay trở lại với nền giáo dục tại Việt Nam dù là trong quá khứ hay hiện tại. Thông qua thu thập và phân tích tư liệu, nghị định, quyết định, dễ dàng phát hiện ra chính sách giáo dục chữ Hán ở hai miền không chỉ khác nhau về thời gian mà còn về cách thức. Dù chính sách hàng đầu của Pháp vẫn là “giải Hán hoá” nền Nho học, nhưng tại Nam Kỳ, chính quyền Pháp không hiểu được rằng “dục tốc bất đạt” vậy nên trước cuộc cải lương giáo dục năm 1906, thì chính sách này đã nhận được thất bại thảm hại khi tính đến 1886 chỉ có khoảng 1% dân số Nam Kỳ tham gia học tại các trường công của Pháp. Sau thất bại đó, thực dân Pháp đã biết rút kinh nghiệm trong việc “triệt tiêu” Nho giáo ở Bắc và Trung Kỳ, nhờ Paul Bert và chính sách ủng hộ các trường tiểu học tại Bắc Kỳ tiếp tục dạy chữ Hán. Cũng chính những kinh nghiệm rút ra được qua thời gian áp dụng chính sách giáo dục tại chính quốc, năm 1906 đến năm 1920, thực dân Pháp đã tiến hành hai cuộc cải lương giáo dục khoa cử sao cho phù hợp với nền giáo dục chữ Hán đã tồn tại lâu đời ở Việt Nam ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] A. Nguyen, "Some aspects of Vietnamese education from the time of French invasion to the end of world war I," *Historical research journal*, no. 98, pp. 39-51, 1967. [Online]. Available: <https://repository.vnu.edu.vn>. [Accessed Jan. 8, 2022].
- [2] A. Nguyen, "Education in ethnic minority areas, professional education and private education in Vietnam under the French colonial period," *Historical researcher journal*, no. 107, pp. 28-33, 1968. [Online]. Available: <https://repository.vnu.edu.vn>. [Accessed Jan. 9, 2022].
- [3] V. Milkie, "Examining the Social Impacts of French Education Reforms in Tonkin, Indochina (1906-1938)," *Inquiries journal social sciences, arts, & humanities*, vol. 4, no. 4, pp. 1-3, 2012. [Online]. Available: <http://www.inquiriesjournal.com/>. [Accessed Jan. 12, 2022].
- [4] T. V. Ly, "Political aspects of educational reform in France and the implementation of education policy in Vietnam (from 1870 to 1914)," *VNU Journal of Social Science and Humanities*, vol. 6, no. 1, pp. 33-52, 2020.
- [5] N. H. N. Thich, "French - Vietnamese education in the early twentieth century and typical female characters of the Western study period," *Journal for Buddhist studies*, August 2021. [Online]. Available: <https://tapchinhienquaphathoc.vn/giao-duc-phap-viet-dau-the-ky-xx-va-nhung-nhan-vat-nu-tieu-bieu-thoi-tay-hoc.html>. [Accessed Jan. 12, 2022].
- [6] D. M. Vu, "Some aspects of Confucian education from the 11th century to the early 20th century in Vietnam," *Historical research journal*, no. 5, pp. 10-24, 2011. [Online]. Available: <https://repository.vnu.edu.vn>. [Accessed Jan. 12, 2022].
- [7] V. C. Le, "Four books and Five classics in the program of reforming the education of Chinese characters (1906-1919) in terms of dharma study and experimentation," *Institute of Sino-Nom studies*, no. 1, pp. 28-38, 2017. [Online]. Available: <http://www.hannom.org.vn>. [Accessed Jan. 15, 2022].
- [8] V. C. Le, "Preliminary review of the Chinese textbook system in the reformation program of the philology department in the early 20th century," *Proceedings of the scientific conference of graduate students in the academic year 2014-2015: interdisciplinary research in the humanities and social sciences approached from theoretical and practical perspective*, Published by Hanoi University publisher, 2015, pp. 534-548.
- [9] State records and archive department of Vietnam, *Vietnamese education during the colonial period*, National archives centre N1, published by Dan Tri publisher, 2nd ed., 2021.
- [10] Osborne and E. Milton, *The French Presence in Cochinchina and Cambodia, Rule and Response (1859-1905)*, Cornell University Press, p. 379, 1969.